TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27/5/2019
V/v: Tranh chấp về HN và GĐ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Tuyết.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Vũ Tiến Thịnh;
2. Bà Hoàng Thị Phụng.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân nhân dân thành phố, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2019/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 01 năm 2019 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 giữa:

* Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1979.

* Bị đơn: Anh Bùi Đức K, sinh năm 1977.

Đều cư trú tại: Thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa vắng mặt chị T, anh K).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày và có yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh K được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vũ Phúc, thị xã Thái Bình nay là thành phố Thái Bình vào ngày 16/7/2001. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K chơi bời, không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với chị và các con. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay, chấm dứt mọi mối quan hệ. Nay xét thấy tình

cảm vợ chồng không còn, chị T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

- Về con chung: Chị T và anh K có 02 con chung là cháu Bùi Đình K, sinh ngày 08/11/2002 và cháu Bùi Hoàng L, sinh ngày 16/11/2009. Nếu vợ chồng ly hôn chị T xin nhận được trực tiếp nuôi cả hai con chung, chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi hai con chung. Hiện tại chị T thu nhập từ khoảng 08 đến 09 triệu đồng/tháng.

- Về tài sản và công nợ chung: Chị T và anh K không có tài sản chung, không vay nợ chung tài sản của ai. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung của vợ chồng.

Tòa án báo anh Bùi Đức K đến Tòa án để làm việc nhưng anh K không đến Tòa án.

* Tại bản biên bản ghi lời khai ngày 03/4/2019 của anh Bùi Đức Q là em trai anh Bùi Đức K, anh Q trình bày:

Anh K thường xuyên ở nơi cư trú tại thôn T, xã V, thành phố T nhưng anh K mới đi làm ăn ở xa, anh K đã nhận được giấy báo của Tòa án nhưng do bận công việc nên không về được. Anh Q nhận các văn bản tố tụng của Tòa án thay anh K và cam đoan sẽ giao và thông báo lại toàn bộ nội dung văn bản của Tòa án cho anh K ngay trong ngày nhận văn bản. Mẹ anh K đã mất, bố anh K đã già yếu, hiện đang sinh sống tại thôn T, xã V, thành phố T, anh Q thay mặt bố anh lên Tòa án để trình bày ý kiến về việc Tòa án giải quyết vụ án chị T xin ly hôn anh K.

Chị T và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vũ Phúc, thị xã Thái Bình nay là thành phố Thái Bình vào ngày 16/7/2001. Anh K và chị T sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K chơi bời, không tu chí làm ăn. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Việc chị T xin ly hôn anh K, anh K hoàn toàn nhất trí vì chị T và anh K sống ly thân nhau đã lâu, đến nay không còn tình cảm với nhau nên không còn khả năng đoàn tụ. Anh K liên lạc về cho gia đình là anh K biết việc chị T xin ly hôn và đồng ý nhưng bận làm ăn nên không về Tòa án để giải quyết vụ án được, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh K. Chị T và anh K có 02 con chung là cháu Bùi Đình K, sinh ngày 08/11/2002 và cháu Bùi Hoàng L, sinh ngày 16/11/2009. Nếu vợ chồng ly hôn gia đình anh K đề nghị Tòa án giao 02 cháu cho chị T nuôi dưỡng.

Chị T và anh K không có tài sản chung, không vay nợ chung tài sản của ai.

* Tại văn bản trình bày ý kiến của anh Bùi Đức K đề ngày 17/5/2019 gửi qua bưu điện, anh K trình bày:

Anh K và chị T kết hôn vào ngày 16/7/2001 tại UBND xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình, vợ chồng chung sống đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K không lo cho vợ con, nay anh K và chị T đã sống ly thân. Chị T xin ly hôn, anh K đồng ý. Anh K và chị T có 02 con chung là cháu Bùi Đình K, sinh năm 2002 và cháu Bùi Hoàng L, sinh năm 2009. Ly hôn anh K để chị T

nuôi 02 con, nếu chị T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh K xin giải quyết riêng. Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung tài sản của ai nên anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện anh K đi làm ăn ở xa không về được, xin Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Bùi Đức K.
- Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Đình K, sinh ngày 08/11/2002 và cháu Bùi Hoàng L, sinh ngày 16/11/2009, chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi hai con chung.
- Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.
- Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng**: Nguyên đơn chị Hoàng Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Bùi Đức K đã được triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 2, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo trình tự vắng mặt chị T và anh K.

*** Về nội dung vụ án:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh K được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, từ cuối năm 2017 cho đến nay vợ chồng sống ly thân nhau.

Chị T có nguyện vọng xin ly hôn anh K, anh K đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy trên thực tế cuộc sống chung giữa chị T và anh K đã không còn tồn tại, không còn khả năng đoàn tụ, tình yêu thương đối với nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh K.

[2] Về con chung: Chị T và anh K có hai con chung là cháu Bùi Đình K và cháu Bùi Hoàng L. Chị T có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, anh K đồng ý. Giao cháu K và cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi hai con chung.

[3] Về tài sản, công nợ chung: Chị T và anh K đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, Điều 227, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Bùi Đức K.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Đình K, sinh ngày 08/11/2002 và cháu Bùi Hoàng L, sinh ngày 16/11/2009. Chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Anh K có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị T có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi xét thấy cần thiết.

3. Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai số 0007415 ngày 16 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí cho chị T.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị T, anh Bùi Đức K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Thái Bình;
- VKSND thành phố Thái Bình;
- UBND xã Vũ Phúc, TP Thái Bình (CNKH số 19, quyển số 01 ngày 16/7/2001);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu: Văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Chu Thị Tuyết